

Số: .../2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

Dự thảo 1**NGHỊ ĐỊNH****Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày ... tháng ... năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 15 tháng 7 năm 2020;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; Quyết định số 167/HĐ/CTN ngày 24 tháng 8 năm 1998 của Chủ tịch nước về việc phê chuẩn Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành khoản 5 Điều 4; khoản 5 Điều 5; khoản 3 Điều 6; khoản 5 Điều 8; khoản 5 Điều 33; khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 5 Điều 39; khoản 3 Điều 42; khoản 4 Điều 46 của Luật Hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện các hoạt động liên quan đến hóa chất trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Nguyên tắc hoá học xanh* là bộ nguyên tắc trong thiết kế, lựa chọn công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất, sử dụng và thải bỏ hóa chất nhằm giảm thiểu hoặc loại bỏ việc sử dụng và tạo ra hóa chất nguy hiểm. (trích từ Luật Hoá chất).

2. *Khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất* là khu công nghiệp chuyên sản xuất và cung ứng dịch vụ cho dự án hóa chất, công trình hóa chất; có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp được sử dụng để thu hút dự án hóa chất, công trình hóa chất và dự án sử dụng sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất được sản xuất trong khu công nghiệp làm nguyên liệu, dung môi, chất xúc tác trong quá trình sản xuất.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hóa chất

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hóa chất trong phạm vi cả nước.
2. Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Công Thương thực hiện các nội dung sau:
 - a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, kế hoạch, dự án, đề án về hóa chất; chương trình, hoạt động cấp quốc gia trong lĩnh vực hóa chất;
 - b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương lập Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất, trình Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chiến lược;
 - c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
 - d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất;
 - đ) Thực hiện hợp tác quốc tế về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
 - e) Hướng dẫn việc áp dụng nguyên tắc hóa học xanh trong quá trình thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị dự án hóa chất;
 - g) Hướng dẫn biểu mẫu cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất, mã số chứng chỉ tư vấn; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất theo phân cấp tại Nghị định này;

h) Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, tồn trữ hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp;

i) Quản lý công tác an toàn hóa chất trong hoạt động dân sự; tổ chức việc thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong hoạt động dân sự theo phân cấp của Chính phủ; hướng dẫn chi tiết nội dung, quy trình, biểu mẫu và hồ sơ diễn tập ứng phó sự cố hóa chất trong hoạt động dân sự; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố hóa chất theo quy định tại Nghị định này;

k) Hướng dẫn cách trình bày, bố cục, nội dung, trình tự ban hành của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh;

m) Kiểm tra hoạt động hóa chất.

3. Bộ Y tế trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, kế hoạch, dự án, đề án về hóa chất; chương trình, hoạt động cấp quốc gia về hóa chất trong lĩnh vực y tế;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn, an ninh hóa chất trong lĩnh vực y tế;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

d) Thực hiện hợp tác quốc tế về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

đ) Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, tồn trữ hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực y tế;

e) Phối hợp với Bộ Công Thương quản lý công tác an toàn hóa chất trong lĩnh vực y tế;

g) Kiểm tra hoạt động hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, kế hoạch, dự án, đề án về hóa chất; chương trình, hoạt động cấp quốc gia về hóa chất trong lĩnh vực nông nghiệp và bảo vệ môi trường;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn, an ninh hóa chất trong lĩnh vực nông nghiệp và bảo vệ môi trường;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

d) Thực hiện hợp tác quốc tế về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

đ) Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, tồn trữ hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực nông nghiệp và bảo vệ môi trường;

e) Phối hợp với Bộ Công Thương quản lý công tác an toàn hóa chất trong lĩnh vực nông nghiệp và bảo vệ môi trường;

g) Quản lý công tác bảo vệ môi trường trong công nghiệp hóa chất;

h) Kiểm tra hoạt động hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, kế hoạch, dự án, đề án về hóa chất; chương trình, hoạt động cấp quốc gia về hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn, an ninh hóa chất;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an;

d) Quản lý công tác an toàn hóa chất trong lĩnh vực an ninh; chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực an ninh;

đ) Thanh tra, kiểm tra hoạt động hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an.

6. Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, kế hoạch, dự án, đề án về hóa chất; chương trình, hoạt động cấp quốc gia về hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn, an ninh hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

d) Quản lý công tác an toàn hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng; chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng;

đ) Thanh tra, kiểm tra hoạt động hóa chất phù hợp với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

7. Bộ Tài Chính trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hóa chất, khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất;

b) Cân đối vốn đầu tư ngắn hạn và dài hạn cho phát triển công nghiệp hóa chất;

c) Phối hợp với Bộ Công thương quản lý hoạt động đầu tư công nghiệp hóa chất.

8. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất trong phạm vi địa phương, và thực hiện các nội dung sau:

a) Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động hóa chất tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Ủy ban nhân dân các cấp quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định bố trí ngân sách nhà nước, quỹ đất để đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư các khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất, cụm công nghiệp chuyên ngành hóa chất theo quy định của pháp luật;

c) Căn cứ chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất đã được phê duyệt để xây dựng và tổ chức thực hiện nội dung về phát triển công nghiệp hóa chất trên địa bàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong quá trình xây dựng, điều chỉnh quy hoạch phát triển địa phương;

d) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch vùng, địa phương;

đ) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất theo phân cấp tại Nghị định này;

e) Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong hoạt động dân sự theo phân cấp của Chính phủ.

Chương II

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Điều 5. Nội dung Chiến lược

1. Nội dung Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Hóa chất.

2. Nội dung Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển ngành công nghiệp hóa chất;

b) Phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển của ngành công nghiệp hóa chất trong giai đoạn lập Chiến lược;

c) Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển, định hướng phát triển ngành công nghiệp hóa chất trên phạm vi cả nước và các vùng, lãnh thổ; lĩnh vực ưu tiên phát triển; d) Định hướng hình thành và phát triển các tổ hợp công nghiệp hóa chất tiên tiến, hiện đại; xây dựng các khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất; phát triển hệ thống trung tâm logistics hóa chất hiện đại, phục vụ hiệu quả chuỗi cung ứng sản phẩm hóa chất trong nước và xuất khẩu;

đ) Kết quả đánh giá môi trường chiến lược quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định này;

e) Giải pháp, nguồn lực và tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát thực hiện Chiến lược.

Điều 6. Lập Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất.

2. Quy trình lập Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập Chiến lược xây dựng nội dung Chiến lược và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này;

b) Cơ quan lập Chiến lược tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung Hồ sơ Chiến lược, trình thẩm định Chiến lược;

c) Bộ Công Thương tổ chức thẩm định Chiến lược theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này;

d) Cơ quan lập Chiến lược hoàn thiện nội dung theo ý kiến thẩm định, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

3. Đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình lập Chiến lược

- a) Cơ quan lập Chiến lược có trách nhiệm đánh giá môi trường chiến lược đồng thời với quá trình lập Chiến lược;
- b) Kết quả đánh giá môi trường chiến lược của Chiến lược được tích hợp trong báo cáo thuyết minh Chiến lược;
- c) Nội dung báo cáo đánh giá môi trường Chiến lược, việc lập, lấy ý kiến và xem xét kết quả đánh giá môi trường chiến lược của Chiến lược thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Trường hợp cần thiết, cơ quan lập Chiến lược có thể lựa chọn tư vấn lập Chiến lược theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tư vấn lập Chiến lược phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận.

Điều 7. Lấy ý kiến về Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất

1. Đối tượng lấy ý kiến về Chiến lược gồm Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Chiến lược.

2. Việc lấy ý kiến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thực hiện như sau:

a) Cơ quan lập Chiến lược gửi báo cáo thuyết minh Chiến lược đã được tích hợp kết quả đánh giá môi trường chiến lược và các tài liệu liên quan bằng văn bản;

b) Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về Chiến lược.

3. Nội dung Chiến lược được lấy ý kiến trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập Chiến lược trong thời gian ít nhất 15 ngày tính từ ngày gửi hồ sơ lấy ý kiến về Chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này. Tổ chức và cá nhân góp ý Chiến lược trực tiếp trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập Chiến lược hoặc gửi văn bản góp ý tới cơ quan lập Chiến lược.

4. Cơ quan lập Chiến lược có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến trước khi trình thẩm định Chiến lược.

Điều 8. Thẩm định Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất

1. Thẩm định Chiến lược thực hiện theo chế độ Hội đồng. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chiến lược.

2. Hội đồng thẩm định do Lãnh đạo Bộ Công Thương là Chủ tịch Hội đồng. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan.

3. Hồ sơ trình thẩm định Chiến lược gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

- a) Tờ trình thẩm định;
- b) Dự thảo văn bản phê duyệt Chiến lược;
- c) Báo cáo thuyết minh Chiến lược đã được tích hợp kết quả đánh giá môi trường chiến lược;
- d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về Chiến lược;
- đ) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về Chiến lược (nếu có).

4. Nội dung thẩm định Chiến lược

Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định toàn bộ nội dung của Chiến lược, trong đó tập trung vào các vấn đề sau đây:

- a) Việc tuân thủ quy trình lập Chiến lược quy định tại Điều 6 của Nghị định này;
- b) Sự thống nhất, đồng bộ với Chiến lược có liên quan;
- c) Sự phù hợp của Chiến lược với quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

5. Báo cáo thẩm định Chiến lược

a) Báo cáo thẩm định Chiến lược phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định về nội dung thẩm định Chiến lược quy định tại khoản 5 Điều này và kết luận về việc Chiến lược đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Báo cáo thẩm định Chiến lược phải được gửi đến cơ quan lập Chiến lược chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định. Cơ quan lập Chiến lược có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Chiến lược.

Trường hợp kết luận Chiến lược chưa đủ điều kiện trình phê duyệt thì Hội đồng thẩm định trả lại hồ sơ cho cơ quan trình thẩm định Chiến lược và nêu rõ lý do.

Điều 9. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất

1. Hồ sơ trình phê duyệt Chiến lược gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

- a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ;
- b) Dự thảo văn bản phê duyệt Chiến lược;

c) Báo cáo thuyết minh Chiến lược đã được tích hợp kết quả đánh giá môi trường chiến lược;

d) Báo cáo kết quả thẩm định;

đ) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về Chiến lược;

e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về Chiến lược (nếu có).

2. Việc tiếp nhận, xem xét hồ sơ trình phê duyệt Chiến lược và phê duyệt Chiến lược thực hiện theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

Điều 10. Công bố và cung cấp thông tin Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất

1. Chiến lược phải được công bố công khai sau khi được phê duyệt, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Trách nhiệm tổ chức và hình thức công bố Chiến lược

a) Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức công bố Chiến lược và đăng tải công khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược, chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày ký, ban hành Quyết định;

b) Lựa chọn công bố bằng nhiều hình thức: Tổ chức hội nghị, hội thảo; Phát hành ấn phẩm; các hình thức khác bảo đảm thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin Chiến lược và đăng tải trên cổng thông tin điện tử.

3. Cung cấp thông tin Chiến lược

a) Thông tin về Chiến lược đã được phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm cung cấp thông tin Chiến lược theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 11. Tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao tại văn bản phê duyệt Chiến lược.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch vùng có trách nhiệm căn cứ Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất đã được phê duyệt để xây dựng nội dung về phát triển ngành công nghiệp hóa chất trong nội dung phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng và phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn, phân bổ nguồn lực phát triển trên địa bàn vùng.

3. Cơ quan lập quy hoạch tỉnh có trách nhiệm căn cứ Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất đã được phê duyệt để xây dựng nội dung về phát triển ngành công nghiệp hóa chất trong nội dung phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh, lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội và xây dựng phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

4. Trong quá trình quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hóa chất, cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hóa chất có trách nhiệm xem xét sự phù hợp với Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất của dự án.

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược

a) Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất sau khi được phê duyệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng và phù hợp với mục tiêu đã đề ra;

b) Các bộ, ngành, địa phương có liên quan phối hợp với Bộ Công Thương trong triển khai, giám sát, đánh giá định kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ việc thực hiện Chiến lược;

c) Bộ Công Thương các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6. Trước ngày 15 tháng 03 hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật thông tin về kết quả thực hiện Chiến lược phát triển công nghiệp hóa chất vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

7. Chủ đầu tư dự án hóa chất có trách nhiệm cập nhật thông tin về dự án hóa chất vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất:

a) Trong giai đoạn trước khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng, chủ đầu tư cập nhật tình hình thực hiện dự án theo tiến độ từng giai đoạn đầu tư xây dựng;

b) Sau khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng, chủ đầu tư cập nhật tình hình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

8. Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện Chiến lược được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Bộ Công Thương xây dựng biểu mẫu để thực hiện cập nhật thông tin quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

Điều 12. Điều chỉnh Chiến lược

Chiến lược được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

1. Có thay đổi lớn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển tổng thể quốc gia hoặc chính sách pháp luật liên quan liên quan đến nội dung của Chiến lược đã được phê duyệt.
2. Có thay đổi liên quan đến các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
3. Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.
4. Yêu cầu điều chỉnh theo kết quả đánh giá giữa kỳ hoặc cuối kỳ thực hiện Chiến lược hoặc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.
5. Có phát sinh từ thực tiễn hoặc từ kết quả kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện Chiến lược.

Chương III DỰ ÁN HÓA CHẤT

Điều 13. Nguyên tắc hoá học xanh trong thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị

1. Trong quá trình thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị, chủ đầu tư, tư vấn thiết kế dự án hóa chất áp dụng những nguyên tắc hóa học xanh sau đây:

- a) Ngăn ngừa chất thải, thông qua việc ứng dụng các công nghệ sản xuất, nguyên liệu đầu vào tiên tiến, hiện đại nhằm phát triển các quy trình sản xuất không tạo ra chất thải;
- b) Tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, ưu tiên các quy trình sử dụng ít năng lượng;
- c) Quan trắc và phân tích theo thời gian thực để giám sát và kiểm soát quá trình sản xuất nhằm ngăn ngừa việc tạo ra hoá chất nguy hiểm;
- d) Giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra tai nạn, lựa chọn kỹ lưỡng hoá chất và các dạng của hoá chất để tối thiểu nguy cơ sự cố hoá chất.

2. Trong quá trình thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị, chủ đầu tư, tư vấn thiết kế dự án hóa chất được khuyến khích áp dụng những nguyên tắc hóa học xanh sau đây:

- a) Tối đa hóa việc tiết kiệm nguyên tử, sử dụng quy trình hoặc phản ứng hoá học tối ưu nguyên liệu đầu vào;
- b) Phát triển các quá trình tổng hợp hóa học ít nguy hiểm hơn, sử dụng và sinh ra hoá chất ít có hoặc không có đặc tính nguy hiểm tới sức khoẻ con người và môi trường sinh học;

c) Phát triển các sản phẩm và hóa chất an toàn, có tính năng và hiệu quả tương đương nhưng ít nguy hiểm hơn;

d) Sử dụng dung môi và điều kiện phản ứng an toàn, ưu tiên lựa chọn các điều kiện phản ứng và hoá chất phụ trợ không gây hại, hoặc hạn chế việc sử dụng hoá chất phụ trợ;

đ) Sử dụng nguyên liệu tái tạo;

e) Hạn chế dẫn xuất hoá, không sử dụng các quy trình, phản ứng hoá học đi qua nhiều chất trung gian;

g) Chất xúc tác để tăng hiệu suất phản ứng;

h) Hóa chất và sản phẩm có thể phân hủy sau khi hết nhiệm vụ.

3. Bộ Công Thương hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 14. Khoảng cách an toàn đối với địa điểm thực hiện dự án hóa chất

1. Đối với các dự án hóa chất thuộc đối tượng phải tuân thủ khoảng cách an toàn theo quy định tại Điều 30 của Nghị định này và thuộc đối tượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư công:

a) Trong nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Chủ đầu tư dự án hóa chất có nghĩa vụ giải trình về sự phù hợp của địa điểm xây dựng dự án với quy định về khoảng cách an toàn trước khi gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư có trách nhiệm đánh giá việc đáp ứng quy định về khoảng cách an toàn tại Điều 30 của Nghị định này đối với địa điểm thực hiện dự án hóa chất trước khi quyết định chủ trương đầu tư;

c) Quy định tại điểm a, điểm b khoản này là một thành phần trong hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư công.

2. Đối với các dự án hóa chất thuộc đối tượng phải tuân thủ quy định về khoảng cách an toàn tại Điều 30 của Nghị định này và thuộc đối tượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư:

a) Trong đề xuất dự án đầu tư, Chủ đầu tư dự án hóa chất có nghĩa vụ giải trình về sự phù hợp của địa điểm xây dựng dự án với quy định về khoảng cách an toàn trước khi gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư có trách nhiệm đánh giá việc đáp ứng quy định về khoảng cách an toàn tại Điều 30 của Nghị định này đối với địa điểm thực hiện dự án hóa chất trước khi chấp thuận chủ trương đầu tư;

c) Quy định tại điểm a, điểm b khoản này là một thành phần trong hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư.

3. Đối với các dự án hóa chất thuộc đối tượng phải tuân thủ quy định về khoảng cách an toàn tại Điều 30 của Nghị định này và không thuộc đối tượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư:

a) Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng dự án theo pháp luật về xây dựng có nghĩa vụ đánh giá và chịu trách nhiệm về việc đáp ứng quy định về khoảng cách an toàn tại Điều 30 của Nghị định này đối với địa điểm thực hiện dự án hóa chất trước khi phê duyệt dự án, quyết định đầu tư;

b) Việc quyết định đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư được thể hiện tại Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, gồm các thông tin theo pháp luật về xây dựng và kết luận về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với quy định về khoảng cách an toàn;

c) Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng không được phê duyệt dự án, quyết định đầu tư trong trường hợp không đáp ứng quy định về khoảng cách an toàn.

Điều 15. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án hóa chất

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án hóa chất được thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng và bao gồm các nội dung như sau:

a) Làm rõ sự phù hợp của nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định về an toàn hóa chất trong nội dung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng để lập thiết kế cơ sở;

b) Nguyên tắc hóa học xanh trong thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị áp dụng cho dự án trong nội dung phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn.

2. Nội dung thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án hóa chất bổ sung nội dung như sau:

a) Đánh giá sự phù hợp của nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư

xây dựng với các quy chuẩn kỹ thuật và quy định về an toàn hóa chất trong nội dung thẩm định việc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra việc tuân thủ quy định áp dụng Nguyên tắc hóa học xanh trong thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị áp dụng cho dự án.

Điều 16. Quy mô, tiến độ giải ngân đối với dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm

1. Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 6 của Luật Hóa chất có quy mô vốn đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này và thực hiện giải ngân tối thiểu 1/3 trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định tại Luật Đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quy mô vốn đầu tư đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Dự án sản xuất sản phẩm hóa dược là nguyên liệu làm thuốc có tổng mức đầu tư được phân loại là dự án Hạng B theo tiêu chí phân loại dự án của pháp luật về đầu tư công;

b) Dự án Sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm; sản phẩm hóa dầu; sản phẩm hóa dược là nguyên liệu làm thực phẩm bảo vệ sức khỏe; hydro, amoniac được sản xuất bằng nguồn năng lượng tái tạo có tổng mức đầu tư được phân loại là dự án Hạng A theo tiêu chí phân loại dự án của pháp luật về đầu tư công;

c) Dự án sản xuất sản phẩm cao su, trừ sản phẩm săm, lốp; sản xuất phân bón hàm lượng cao; đầu tư khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất; đầu tư tổ hợp công trình hóa chất với mục tiêu chính là sản xuất hóa chất và sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

Chương IV

TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT

Điều 17. Điều kiện tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất

1. Tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8 Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;

b) Có ít nhất 01 cá nhân tham gia hoạt động tư vấn là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động và đáp ứng điều kiện sau

đây: Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về các ngành quy định tại phụ lục V danh mục ngành nghề hoạt động an toàn hóa chất được ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày.....tháng....năm 2025 của Chính phủ; có kinh nghiệm công tác phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Kinh nghiệm công tác của cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Tổ chức hoạt động xây dựng hạng I: Cá nhân có kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành hóa chất từ 07 năm trở lên;

b) Tổ chức hoạt động xây dựng hạng II: Cá nhân có kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành hóa chất từ 04 năm trở lên;

c) Tổ chức hoạt động xây dựng hạng III: Cá nhân có kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành hóa chất từ 02 năm trở lên.

3. Tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng các lĩnh vực phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng được xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Việc cấp, thu hồi chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 18. Phạm vi hoạt động và điều kiện đối với cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất

1. Phạm vi hoạt động của cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được quy định như sau:

a) Cá nhân có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A1: Được thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với tất cả các dự án hóa chất;

b) Cá nhân có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A2: Được thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp II trở xuống;

c) Cá nhân có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A3: Được thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp III trở xuống;

d) Cá nhân có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về hóa học mà không có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất chỉ được tham gia thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án

hóa chất có công trình cấp IV, phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động và không được đảm nhận chức danh chủ trì, chủ nhiệm tư vấn.

2. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về các ngành theo quy định tại Phụ lục V danh mục ngành đào tạo được thực hiện các hoạt động an toàn hóa chất được ban hành kèm theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày.....tháng....năm 2025 của Chính phủ;

b) Đáp ứng điều kiện về thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học tương ứng với Hạng chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Đáp ứng điều kiện về kinh nghiệm công tác tương ứng với Hạng chứng chỉ theo quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất phải đáp ứng điều kiện về thời gian kinh nghiệm sau đây:

a) Hạng A1: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 07 năm trở lên;

b) Hạng A2: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 04 năm trở lên;

c) Hạng A3: Có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc về công nghệ, kỹ thuật hóa học từ 02 năm trở lên.

4. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất phải đáp ứng điều kiện về kinh nghiệm công tác sau đây:

a) Hạng A1: Đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp II;

b) Hạng A2: Đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp III;

c) Hạng A3: Đã thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với 02 dự án hóa chất có công trình cấp IV.

5. Kinh nghiệm thời gian, kinh nghiệm công tác quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này được tính đối với các công việc đã được nghiệm thu theo quy định trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm Công tác phù hợp nhưng quá 10 năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn thấp hơn 01 hạng tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 19. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất

Điều kiện đối với tổ chức được thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được quy định như sau:

1. Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.

2. Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp I phải có ít nhất 02 tư vấn viên có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A1 là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp II phải có ít nhất 01 tư vấn viên có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A2 trở lên là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất có công trình cấp III, cấp IV phải có ít nhất 01 tư vấn viên có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng A3 trở lên là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 20. Phạm vi hoạt động và điều kiện đối với cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất

1. Phạm vi hoạt động của cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được quy định như sau:

a) Cá nhân có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B1: Tư vấn về huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất cho nhóm I; diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia, cấp tỉnh; xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất và các hạng mục tư vấn thuộc Hạng B2.

b) Cá nhân có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B2: Tư vấn về huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất cho nhóm II, III; diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp doanh nghiệp; xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất; phân loại, ghi nhãn hóa chất, lập phiếu an toàn hóa chất, đăng kí hóa chất mới.

2. Cá nhân hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

b) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về hóa học;

c) Có thời gian kinh nghiệm công tác 03 năm trở lên tại vị trí liên quan đến hoạt động an toàn hóa chất;

d) Đáp ứng điều kiện về kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với Hạng chứng chỉ và nội dung tư vấn theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Điều kiện về kinh nghiệm nghề nghiệp đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B1 được quy định như sau:

a) Đối với cá nhân tư vấn huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất: Phải có kinh nghiệm tham gia huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất tối thiểu 05 lớp trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ;

b) Đối với cá nhân tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh: Tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập cấp tỉnh;

c) Đối với cá nhân tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia: Tham gia xây dựng tối thiểu 05 chương trình diễn tập cấp tỉnh;

d) Đối với cá nhân tư vấn xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất: Tham gia xây dựng tối thiểu 02 kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt trong 02 năm gần nhất tính đến ngày đề nghị cấp chứng chỉ.

4. Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất Hạng B2 đối với hoạt động tư vấn diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp doanh nghiệp nếu đã tham gia xây dựng tối thiểu 02 chương trình diễn tập cấp doanh nghiệp.

Điều 21. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất

Điều kiện đối với tổ chức được thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất được quy định như sau:

1. Là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có ngành nghề kinh doanh phù hợp.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn an toàn, an ninh hóa chất phải có ít nhất 01 tư vấn viên đảm nhận nhiệm vụ tư vấn có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định Điều 20 của Nghị định này.

3. Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, cần thiết đáp ứng yêu cầu của hoạt động tư vấn: Trang thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp với đặc tính nguy hiểm của các loại hóa chất, phương tiện thẩm hút chống tràn đổ hóa chất.

Điều 22. Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất (sau đây gọi tắt là chứng chỉ tư vấn) được cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở

nước ngoài, người nước ngoài lao động hoặc tạm trú hợp pháp tại Việt Nam để đảm nhận các chức danh hoặc tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Hóa chất.

2. Chứng chỉ tư vấn cấp mới, cấp điều chỉnh có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp. Đối với chứng chỉ tư vấn của cá nhân nước ngoài, hiệu lực được xác định theo thời hạn còn lại được ghi trong giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không quá 05 năm.

Trường hợp cấp lại chứng chỉ tư vấn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 thì ghi thời hạn theo chứng chỉ tư vấn được cấp trước đó.

3. Quy cách và nội dung của chứng chỉ tư vấn quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Công Thương thống nhất quản lý về việc cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh thu hồi chứng chỉ tư vấn; quản lý cấp mã số chứng chỉ tư vấn; công khai danh sách cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn trên trang thông tin điện tử.

Điều 23. Trường hợp cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất được cấp cho cá nhân khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cấp mới chứng chỉ tư vấn đối với các trường hợp: lần đầu được cấp chứng chỉ; chứng chỉ hết thời hạn hiệu lực hoặc đề nghị cấp lại đối với chứng chỉ còn thời hạn hiệu lực không thuộc điểm b khoản này;

b) Cấp lại chứng chỉ tư vấn đối với các trường hợp: chứng chỉ tư vấn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc ghi sai thông tin hoặc điều chỉnh, bổ sung thông tin cá nhân hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này;

c) Cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn đối với trường hợp điều chỉnh hạng, nhóm chứng chỉ tư vấn;

d) Cá nhân người nước ngoài đã được cấp chứng chỉ tư vấn theo quy định tại điểm a khoản này, nếu giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú hết hạn trước thời hạn của chứng chỉ tư vấn, để tiếp tục hoạt động tư vấn tại Việt Nam thì thực hiện cấp mới chứng chỉ tư vấn sau khi được gia hạn giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú.

2. Chứng chỉ tư vấn của cá nhân bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân không còn đáp ứng điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn theo quy định tại khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 20 của Nghị định này;

b) Giả mạo giấy tờ, kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn;

c) Cho thuê, cho mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ tư vấn;

d) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ tư vấn;

đ) Chứng chỉ tư vấn bị ghi sai thông tin do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ tư vấn;

e) Chứng chỉ tư vấn được cấp không đúng thẩm quyền; không đúng đối tượng;

g) Chứng chỉ tư vấn được cấp khi không đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định;

h) Có sai phạm và bị cơ quan chức năng kiến nghị thu hồi chứng chỉ tư vấn.

i) Cá nhân được cấp chứng chỉ tư vấn không còn nhu cầu sử dụng chứng chỉ tư vấn thuộc sở hữu của mình và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ thu hồi.

3. Cá nhân đã bị thu hồi chứng chỉ tư vấn được đề nghị cấp mới chứng chỉ tư vấn sau thời hạn:

a) 12 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ tư vấn đối với các trường hợp theo quy định tại các điểm b, c, d và g khoản 2 Điều này;

b) Theo thời hạn tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính tước quyền sử dụng chứng chỉ tư vấn hoặc đình chỉ hoạt động đối với các trường hợp theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều này.

4. Cá nhân đã bị thu hồi chứng chỉ tư vấn thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này được cấp lại chứng chỉ tư vấn theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 24. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Hồ sơ đề nghị cấp mới chứng chỉ tư vấn đối với trường hợp quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 23 của Nghị định này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bằng điểm hoặc phụ lục văn

bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận);

d) Các giấy tờ chứng minh về năng lực, kinh nghiệm;

đ) Giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

e) Các tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ khoản này phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ tư vấn đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 của Nghị định này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Bản gốc chứng chỉ tư vấn đề nghị cấp lại. Trường hợp bị mất chứng chỉ tư vấn hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.

3. Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị định này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; tệp tin chụp từ bản gốc trong trường hợp nộp trực tuyến;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Các tài liệu theo quy định tại các điểm c, d, đ khoản 1 Điều này;

d) Giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

đ) Các tài liệu quy định tại các điểm c, d khoản này phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định.

4. Cá nhân thực hiện nộp lệ phí theo quy định tại Tiểu mục 21.3 Mục III Bảng B Phụ lục số 01 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015 khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn.

Điều 25. Thẩm quyền, trình tự cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 26 của Nghị định này tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn bằng một trong các hình thức sau:

- a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;
- b) Thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

2. Kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn có trách nhiệm cấp chứng chỉ tư vấn trong thời hạn:

- a) 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 của Điều 23 Nghị định này;
- b) 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 của Nghị định này;
- c) 10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp chuyên đổi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị định này.

3. Năng lực tư vấn của cá nhân được đánh giá theo tiêu chí đáp ứng các điều kiện chung và điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp theo quy định của Nghị định này.

4 Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tư vấn phải thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

5. Đối với trường hợp thu hồi chứng chỉ tư vấn:

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, trong đó có kiến nghị thu hồi chứng chỉ tư vấn hoặc khi phát hiện hoặc có căn cứ xác định một trong các trường hợp thu hồi chứng chỉ tư vấn quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ tư vấn ban hành quyết định thu hồi và tuyên hủy chứng chỉ tư vấn; trường hợp không thu hồi thì phải có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân có kiến nghị thu hồi;

b) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ tư vấn có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi chứng chỉ tư vấn cho cá nhân bị thu hồi và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan thu hồi chứng chỉ tư vấn;

c) Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ tư vấn phải nộp lại bản gốc chứng chỉ tư

vấn cho cơ quan ra quyết định thu hồi trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi.

6. Thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất

a) Bộ Công Thương cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn Hạng A1 và Hạng B1.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn Hạng A2, Hạng A3 và Hạng B2.

7. Bộ Công Thương hướng dẫn biểu mẫu cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất.

Điều 26. Quyền, nghĩa vụ của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn

1. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn có các quyền sau đây:

- a) Được yêu cầu cung cấp thông tin về việc cấp chứng chỉ tư vấn;
- b) Được hành nghề tư vấn chuyên ngành hóa chất trên phạm vi cả nước theo nội dung ghi trên chứng chỉ tư vấn;
- c) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cấp chứng chỉ tư vấn.

2. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Khai báo trung thực hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ tư vấn theo quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trong hồ sơ; cung cấp thông tin khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;
- b) Hành nghề đúng với nội dung ghi trên chứng chỉ tư vấn, tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;
- c) Không được cho người khác thuê, mượn, sử dụng chứng chỉ tư vấn;
- d) Không được tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ tư vấn;
- đ) Xuất trình chứng chỉ tư vấn và chấp hành yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

Chương V

BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Điều 27. Bảo đảm yêu cầu về cơ sở vật chất – kỹ thuật trong hoạt động hoá chất

1. Nhà xưởng, kho chứa phải được thiết kế, xây dựng đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với đặc tính của hoá chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất.

2. Thiết bị, phương tiện sản xuất, bao bì, thiết bị chứa đối với hoạt động hoá chất phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất hóa chất được lựa chọn đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây sự cố hóa chất, ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ;

b) Thiết bị kỹ thuật phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với chủng loại hóa chất và quy trình công nghệ, đáp ứng được công suất sản xuất, quy mô kinh doanh, tồn trữ hóa chất. Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị;

c) Bao bì, thiết bị chứa phải đảm bảo phù hợp với chủng loại hóa chất, có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển, chắc chắn và kín. Bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng phải bảo quản riêng. Trước khi nạp hóa chất, cơ sở thực hiện nạp phải kiểm tra bao bì, thiết bị chứa hóa chất, làm sạch bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng để loại trừ khả năng phản ứng, cháy nổ khi nạp hóa chất. Các bao bì, thiết bị chứa đã qua sử dụng nhưng không sử dụng lại phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Bao bì, thiết bị chứa hoá chất phải có nhãn ghi đầy đủ các nội dung theo quy định về ghi nhãn hóa chất. Nhãn của hoá chất phải đảm bảo rõ, dễ đọc và có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển.

3. Thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố hoá chất, phương tiện bảo hộ cá nhân trong hoạt động hoá chất phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy;

b) Trang thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố hoá chất phải đáp ứng đúng và đủ theo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành tại cơ sở hoá chất;

c) Trang bị bảo hộ cá nhân phải được bảo đảm đúng chủng loại, số lượng, chất lượng đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cho nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt thiết yếu thực hiện đảm bảo an toàn theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Điều 28. Bảo đảm an toàn trong hoạt động vận chuyển hoá chất

Phương tiện, thiết bị, bồn chứa đối với hoạt động vận chuyển hoá chất phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Phương tiện, thiết bị, bồn chứa phục vụ hoạt động vận chuyển hóa chất phải được đăng kiểm, kiểm định, cấp phép vận chuyển hoá chất nguy hiểm theo quy định của pháp luật về vận chuyển hàng hoá nguy hiểm.

2. Phương tiện, thiết bị, bồn chứa phục vụ hoạt động vận chuyển hóa chất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; được lựa chọn đảm bảo giảm thiểu nguy cơ gây sự cố hóa chất, ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ phù hợp với chủng loại hóa chất, quy mô vận chuyển hoá chất.

3. Bồn chứa, vật chứa, bao bì chứa hoá chất phải đảm bảo phù hợp với chủng loại hóa chất, có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển, chắc chắn và kín. Bao bì đã qua sử dụng phải bảo quản riêng; các bồn chứa, vật chứa, bao bì đã qua sử dụng nhưng không sử dụng lại phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Bồn chứa, vật chứa, bao bì chứa đựng hoá chất phải có cảnh báo, nhãn ghi đầy đủ các nội dung theo quy định về ghi nhãn hóa chất. Nhãn của hoá chất phải đảm bảo rõ, dễ đọc và có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển.

5. Phương tiện bảo hộ cá nhân và trang thiết bị ứng phó sự cố hóa chất cho lái xe và người áp tải theo xe phải được trang bị đúng chủng loại, số lượng, chất lượng đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động.

6. Trước khi vận chuyển hóa chất, phải kiểm tra phương tiện vận chuyển để đảm bảo phương tiện tham gia giao thông an toàn; bồn chứa, bao bì, vật chứa hóa chất, làm sạch bồn chứa, vật chứa, bao bì đã qua sử dụng để loại trừ khả năng phản ứng, cháy nổ khi vận chuyển hóa chất.

7. Lưu trữ biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển hóa chất theo phương tiện trong suốt quá trình vận chuyển dưới dạng bản cứng hoặc bản điện tử.

Điều 29. Yêu cầu về chuyên môn trong hoạt động hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất phải có người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất có trình độ đại học trở lên về hóa học.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất, tồn trữ hóa chất, sử dụng hóa chất, xử lý chất thải hóa chất, tiêu hủy hóa chất, thải bỏ hóa chất phải có người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất có trình độ trung cấp trở lên

về hóa học.

3. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất thực hiện theo quy định tại pháp luật về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

4. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, thử nghiệm hóa chất thực hiện theo quy định tại pháp luật về khoa học và công nghệ.

5. Danh mục ngành đào tạo được thực hiện các hoạt động an toàn hóa chất được ban hành tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số ... ban hành các danh mục thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hóa chất.

Điều 30. Xác định khoảng cách an toàn đối với công trình hóa chất

1. Bộ quản lý ngành xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, tồn trữ hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực quản lý.

2. Trách nhiệm thực hiện thiết lập khoảng cách an toàn:

a) Các dự án đầu tư có hoạt động sản xuất, tồn trữ hóa chất nguy hiểm phải thiết lập khoảng cách an toàn đối với các điểm dân cư, công trình công cộng, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu dự trữ thiên nhiên, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn loài sinh cảnh, khu bảo tồn biển, nguồn nước sinh hoạt;

b) Tổ chức, cá nhân không được xây dựng công trình nhà ở và công trình khác trong phạm vi khoảng cách an toàn quy định tại khoản 1 Điều này, trừ công trình chuyên dụng nhằm phục vụ mục đích đảm bảo an ninh, quốc phòng, giao thông hạ tầng, an ninh điện lực.

Căn cứ vào hiện trạng thực tế của địa phương, UBND cấp tỉnh xác định tính cấp thiết và thực hiện cấp phép xây dựng đối với các công trình chuyên dụng xây dựng trong phạm vi khoảng cách an toàn.

Chương VI

HUẤN LUYỆN AN TOÀN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT

Điều 31. Đối tượng phải được huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất hoặc cử các đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều này tham gia các khóa huấn luyện của các tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất, định kỳ 02 năm một lần. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất.

2. Người đã được huấn luyện phải được huấn luyện lại trong các trường hợp sau đây: Khi có sự thay đổi chủng loại hóa chất, công nghệ, cơ sở vật chất, phương án sản xuất liên quan đến vị trí làm việc; khi người đã được huấn luyện

thay đổi vị trí làm việc; sau 02 lần kiểm tra người đã được huấn luyện không đạt yêu cầu; khi hết thời hạn 02 năm từ kể từ lần huấn luyện gần nhất.

3. Đối tượng tham gia huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất được quy định như sau:

a) Nhóm 1, bao gồm:

Người đứng đầu tổ chức, đơn vị, cơ sở trực tiếp hoạt động hóa chất; trưởng phòng, ban, chi nhánh trực thuộc trực thuộc, quản đốc phân xưởng hoặc tương đương phụ trách hoạt động hoá chất;

Cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này được giao nhiệm vụ phụ trách điều hành hoạt động hóa chất.

b) Nhóm 2, bao gồm:

Người chịu trách nhiệm về an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất;

Người trực tiếp giám sát về an toàn hóa chất tại nơi làm việc; thủ kho liên quan đến hoạt động hoá chất hoặc tương đương.

c) Nhóm 3, bao gồm:

Người lao động liên quan trực tiếp đến hóa chất;

Nhân viên y tế tại cơ sở hoạt động hoá chất (nếu có).

Điều 32. Nội dung huấn luyện an toàn hóa chất

1. Nội dung huấn luyện an toàn hóa chất phải phù hợp với vị trí công tác của người được huấn luyện; tính chất, chủng loại, mức độ nguy hiểm của hóa chất tại cơ sở hoạt động hóa chất.

2. Nội dung huấn luyện đối với Nhóm 1:

a) Những quy định của pháp luật trong hoạt động hóa chất;

b) Các yếu tố nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở;

c) Phương án phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở để ứng phó, khắc phục sự cố.

3. Nội dung huấn luyện đối với Nhóm 2:

a) Những quy định của pháp luật trong hoạt động hóa chất;

b) Các yếu tố nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở, các biện pháp phòng ngừa theo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành;

c) Quy trình quản lý an toàn hóa chất, kỹ thuật đảm bảo an toàn khi làm

việc, tiếp xúc với hóa chất nguy hiểm;

d) Các đặc tính nguy hiểm của hóa chất, phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở; phân loại, ghi nhãn hóa chất; sắp xếp hóa chất;

đ) Quy trình ứng phó đối với các hóa chất nguy hiểm điển hình: Quy trình thông báo, kỹ thuật ứng phó, vật liệu ứng phó, trang thiết bị bảo hộ cá nhân, phương án thu gom, tiêu hủy, khử nhiễm...;

e) Nội dung thực hành tại cơ sở hoạt động hóa chất: Nhận biết hóa chất nguy hiểm thông qua nhãn hóa chất và hình đồ cảnh báo; sử dụng, bảo quản trang thiết bị bảo hộ cá nhân phục vụ công tác ứng phó sự cố hóa chất; sử dụng các thiết bị, vật liệu ứng phó sự cố hóa chất.

4. Nội dung huấn luyện đối với Nhóm 3:

a) Các yếu tố nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở, các biện pháp phòng ngừa theo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành;

b) Quy trình quản lý an toàn hóa chất, kỹ thuật đảm bảo an toàn khi làm việc, tiếp xúc với hóa chất nguy hiểm;

c) Các đặc tính nguy hiểm của hóa chất, phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của cơ sở; phân loại, ghi nhãn hóa chất; sắp xếp hóa chất;

d) Quy trình ứng phó đối với các hóa chất nguy hiểm điển hình: Quy trình thông báo, kỹ thuật ứng phó, vật liệu ứng phó, trang thiết bị bảo hộ cá nhân, phương án thu gom, tiêu hủy, khử nhiễm...;

đ) Nội dung thực hành tại cơ sở hoạt động hóa chất: Nhận biết hóa chất nguy hiểm thông qua nhãn hóa chất và hình đồ cảnh báo; sử dụng, bảo quản trang thiết bị bảo hộ cá nhân phục vụ công tác ứng phó sự cố hóa chất; sử dụng các thiết bị, vật liệu ứng phó sự cố hóa chất.

Điều 33. Người huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất

1. Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tự thực hiện huấn luyện an toàn hóa chất, người huấn luyện an toàn hóa chất phải có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành hóa học và có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm tại vị trí liên quan đến hoạt động an toàn hóa chất tại tổ chức, cá nhân mình thực hiện huấn luyện.

2. Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thông qua đơn vị tư vấn để thực hiện huấn luyện an toàn hóa chất, người huấn luyện thuộc đơn vị tư vấn phải đáp ứng các quy định đối với cá nhân tư vấn an toàn hóa chất tại khoản 2, khoản 3 Điều 20 của Nghị Định này.

Điều 34. Thời lượng huấn luyện, kiểm tra, hồ sơ huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất

1. Thời gian huấn luyện an toàn hóa chất chu kỳ đầu tiên được quy định như sau:

- a) Đối với Nhóm 1: tối thiểu 8 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra;
- b) Đối với Nhóm 2: tối thiểu 12 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra;
- c) Đối với Nhóm 3: tối thiểu 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra;
- d) Thời gian huấn luyện an toàn hóa chất từ chu kỳ thứ hai trở đi bằng 50% thời gian huấn luyện an toàn hóa chất chu kỳ đầu tiên, trừ các trường hợp phải được huấn luyện an toàn hóa chất lại theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Nghị định này.

2. Quy định về kiểm tra:

- a) Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung huấn luyện;
- b) Thời gian kiểm tra tối đa là 02 giờ;
- c) Bài kiểm tra đạt yêu cầu phải đạt điểm trung bình trở lên.

3. Hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất gồm:

- a) Nội dung huấn luyện;
- b) Danh sách người được huấn luyện với các thông tin: Họ tên, ngày tháng năm sinh, chức danh, vị trí làm việc, chữ ký xác nhận tham gia huấn luyện;
- c) Thông tin về người huấn luyện bao gồm: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ học vấn, chuyên ngành được đào tạo, kinh nghiệm công tác, kèm theo các tài liệu chứng minh;
- d) Nội dung và kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất;
- đ) Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân.

4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này trong thời gian 03 năm và xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu.

Chương VII

PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT

Điều 35. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Danh mục Hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định số .../NĐ-CP ngày... tháng...năm... ban hành các danh mục thuộc phạm vi điều

chính của Luật hóa chất.

2. Đối với các trường hợp như sau chủ đầu tư dự án, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đối với tất cả các hóa chất nguy hiểm mà dự án có hoạt động và trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt:

a) Có ít nhất 01 hóa chất thuộc bảng a hoặc 01 hỗn hợp chất thuộc bảng b Phụ lục IV kèm theo Nghị định số ... /NĐ-CP ban hành các danh mục thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hóa chất với khối lượng tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm lớn hơn hoặc bằng ngưỡng khối lượng quy định tại Phụ lục IV;

b) Tổng tỉ lệ của khối lượng hóa chất nguy hiểm tồn trữ trên ngưỡng quy định lớn hơn hoặc bằng 1 trong trường hợp không thuộc đối tượng được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này.

Công thức được tính toán như sau:

Trong đó:

Tổng tỉ lệ của khối lượng hóa chất nguy hiểm tồn trữ trên ngưỡng quy định.

qx = khối lượng hóa chất nguy hiểm x (hoặc loại chất nguy hiểm) thuộc Bảng a hoặc bảng b của Phụ lục IV kèm theo Nghị định số ... ban hành các danh mục thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hóa chất.

QUX = ngưỡng tồn trữ lớn nhất tại 1 thời điểm được quy định tại bảng a hoặc bảng b của Phụ lục IV kèm theo Nghị định số ... ban hành các danh mục thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hóa chất.

$$qx_1/QUX_1 + qx_2/QUX_2 +qx_i/QUX_i \geq 1;$$

3. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phải có các nội dung sau đây:

a) Thông tin về đặc tính, khối lượng, quy mô hoạt động, tồn trữ hóa chất, công nghệ sản xuất, sử dụng hóa chất, đặc điểm điều kiện địa lý, dân cư, môi trường nơi có hoạt động hóa chất;

Nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

Đánh giá sự ảnh hưởng của các điều kiện trên đối với công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

b) Dự báo nguy cơ, tình huống xảy ra sự cố hóa chất, xác định phạm vi ảnh hưởng, ước lượng hậu quả và nhận định phân cấp sự cố hóa chất;

c) Giải pháp phòng ngừa sự cố hóa chất tại khu vực tồn trữ hóa chất và tại các vị trí nguy cơ cao;

d) Giải pháp ứng phó sự cố hóa chất tại các khu vực nguy cơ cao bao gồm các nội dung sau:

Phân vùng nguy hiểm, phương án triển khai lực lượng, phương tiện theo điều kiện địa hình, khí tượng;

Kỹ thuật, vật liệu ứng phó với các tình huống sự cố được nhận định;

Cách thức sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với đặc tính nguy hiểm của từng loại hóa chất xảy ra sự cố;

Kế hoạch phối hợp với các lực lượng ngoài cơ sở;

Kế hoạch sơ tán người, tài sản;

đ) Kế hoạch diễn tập ứng phó sự cố hóa chất;

e) Phương án khắc phục hậu quả sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Thẩm định kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

a) Văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo mẫu quy định tại điểm đ Khoản 6 Điều này;

b) Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất gồm 09 bản.

2. Thời hạn thẩm định, phê duyệt Kế hoạch là 22 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân phải hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định tại khoản Điều này.

3. Thủ tục thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan thẩm định qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ;

c) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định Kế hoạch. Thẩm định Kế hoạch được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định theo quy định khoản Điều này;

d) Trường hợp Kế hoạch không được thông qua, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xây dựng lại Kế hoạch. Hồ sơ, thủ tục thẩm định thực hiện như đối với tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ lần đầu;

đ) Trường hợp Kế hoạch được thông qua hoặc thông qua với điều kiện phải

chỉnh sửa, bổ sung, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu nêu tại Biên bản thẩm định và gửi văn bản giải trình, 01 bản điện tử và 07 bản in Kế hoạch đã chỉnh sửa theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định cho cơ quan thẩm định;

e) Sau khi nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân, cơ quan thẩm định xem xét, phê duyệt Kế hoạch, trường hợp không phê duyệt Kế hoạch, phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. Mẫu Quyết định phê duyệt Kế hoạch được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

g) Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, cơ quan thẩm định chứng thực vào trang phụ bìa của bản Kế hoạch và gửi Quyết định phê duyệt kèm theo Kế hoạch cho tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương thực hiện dự án bao gồm: Cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy cấp tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về môi trường cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trong trường hợp địa điểm thực hiện dự án nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

4. Thời điểm thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

a) Đối với dự án đầu tư, chủ đầu tư phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi có kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

Sau khi hoàn thành công trình xây dựng, chủ đầu tư báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định để kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được thẩm định và xem xét phê duyệt. Chủ đầu tư chỉ được đưa công trình vào khai thác sử dụng sau khi Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được phê duyệt;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi thực hiện tồn trữ hóa chất.

5. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

a) Hội đồng thẩm định do cơ quan phê duyệt Kế hoạch thành lập. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện cơ quan thẩm định, các cơ quan quản lý nhà nước và các chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan;

b) Cơ cấu tổ chức của Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện, Ủy viên thư ký và các Ủy viên. Tổng số thành viên Hội đồng tối thiểu là 07 người, tối đa là 09 người;

c) Hội đồng thẩm định có trách nhiệm kiểm tra thực tế việc thực hiện quy

định về an toàn hóa chất, tiến hành đánh giá, thẩm định Kế hoạch và chịu trách nhiệm về kết luận thẩm định;

d) Hội đồng thẩm định hoạt động theo nguyên tắc thảo luận tập thể giữa các thành viên trong Hội đồng và lập Biên bản thẩm định theo mẫu quy định. Việc đánh giá Kế hoạch thực hiện thông qua phiếu đánh giá. Hội đồng thẩm định chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi Kế hoạch được phê duyệt;

đ) Hội đồng thẩm định chỉ tiến hành họp khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 thành viên, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Chỉ những thành viên Hội đồng tham gia họp Hội đồng thẩm định mới được tham gia bỏ phiếu đánh giá Kế hoạch;

e) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt kết luận thẩm định Kế hoạch theo nguyên tắc sau: Kế hoạch được thông qua không phải chỉnh sửa, bổ sung nếu có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham gia họp đồng ý thông qua và các thành viên còn lại đều đồng ý thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; Kế hoạch không được thông qua nếu có trên 1/3 thành viên Hội đồng tham gia họp không đồng ý thông qua; các trường hợp khác, Kế hoạch được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

a) Trong quá trình hoạt động hóa chất, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm đúng các yêu cầu đề ra tại Kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Lưu giữ Bản Kế hoạch đã được phê duyệt tại cơ sở hóa chất làm căn cứ để tổ chức, cá nhân thực hiện công tác kiểm soát an toàn tại cơ sở hóa chất và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu;

c) Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm thực hiện chế độ cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia không quá 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan

a) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực an ninh;

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng;

c) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong

lĩnh vực dân sự đối với các đối tượng thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định này;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án hóa chất chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực dân sự đối với các đối tượng thuộc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định này;

đ) Xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc thanh tra, kiểm tra đột xuất khi cần thiết việc thực hiện quy định về Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý;

e) Bộ Công Thương quy định các biểu mẫu theo quy định tại Điều này.

Điều 37. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất

1. Đối tượng phải xây dựng Biện pháp:

a) Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất và tổ chức, cá nhân hoạt động vận chuyển hóa chất trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định này phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho phương tiện vận chuyển trước khi chính thức đưa vào hoạt động;

b) Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có hoạt động tồn trữ hóa chất nguy hiểm ra quyết định ban hành Biện pháp, gửi tới cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương, xuất trình khi có yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền và báo cáo nội dung Biện pháp lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phải có các nội dung sau đây:

a) Xác định, khoanh vùng và lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên các điểm có nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất cao;

b) Các biện pháp, trang thiết bị và lực lượng ứng phó tại chỗ;

c) Phương án phối hợp với các lực lượng bên ngoài để ứng phó sự cố hóa chất.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển phải có các nội dung sau đây:

a) Thông tin về chủ đầu tư đơn vị vận chuyển, phương tiện vận chuyển, thông tin về hóa chất nguy hiểm được vận chuyển;

b) Dự báo nguy cơ, tình huống xảy ra sự cố hóa chất, các biện pháp, trang thiết bị, lực lượng ứng phó tại chỗ;

c) Kế hoạch kiểm tra, giám sát phương tiện vận chuyển và các giải pháp phòng ngừa sự cố hóa chất;

d) Phương án phối hợp với các lực lượng bên ngoài để ứng phó sự cố hóa chất.

4. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm thực hiện chế độ cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia không quá 30 ngày kể từ khi ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

Điều 38. Thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các nội dung trong Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân có tồn trữ hóa chất nguy hiểm thuộc danh mục hóa chất phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được ban hành tại phụ lục IV Nghị định số... ban hành các danh mục quản lý hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất có trách nhiệm tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất định kỳ hằng năm và thực hiện chế độ cập nhật động diễn tập ứng phó sự cố hóa chất trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

3. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải điều chỉnh Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi mở rộng quy mô, thay đổi dây chuyền công nghệ, trang thiết bị sản xuất, sử dụng, tồn trữ của dự án, cơ sở tồn trữ hóa chất mà thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định này;

b) Thay đổi mở rộng quy mô, thay đổi dây chuyền công nghệ, trang thiết bị sản xuất, sử dụng, tồn trữ của dự án, cơ sở tồn trữ hóa chất nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định này thì phải xây dựng và ban hành biện pháp cho các hạng mục thay đổi. (thay đổi nhưng giảm lượng tồn trữ);

c) Thay đổi danh mục hóa chất làm tăng thêm hóa chất nguy hiểm mà vẫn thuộc đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định này;

d) Trường hợp phải xây dựng lại Kế hoạch, hồ sơ, thủ tục thẩm định và phê duyệt Kế hoạch thực hiện như lần đầu.

4. Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động liên quan đến những nội dung đề ra trong Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng không nằm trong đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, tổ chức, cá nhân phải bổ sung, chỉnh sửa Biện pháp.

5. Hạng mục thay đổi của dự án, cơ sở hóa chất chỉ được đưa vào hoạt động sau khi Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành.

6. Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết nội dung, quy trình, biểu mẫu và hồ sơ diễn tập ứng phó sự cố hóa chất được quy định tại Điều này.

Điều 39. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh

1. Nội dung Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh bao gồm:

a) Tóm tắt đặc điểm, tình hình điều kiện tự nhiên, xã hội và đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố trên tới công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh;

b) Tổng quan về hoạt động hóa chất trên địa bàn tỉnh. Đánh giá tình hình sự cố hóa chất và năng lực ứng phó sự cố hóa chất của tỉnh;

c) Xây dựng các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh;

d) Phương án khắc phục hậu quả do sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Kế hoạch triển khai, thực hiện kế hoạch phòng ngừa, diễn tập ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh.

2. Bộ Công Thương hướng dẫn cách trình bày, bố cục, nội dung, trình tự ban hành của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có trách nhiệm trong ứng phó sự cố hóa chất như: Công Thương, Phòng cháy chữa cháy, Y tế, cơ quan phòng thủ dân sự địa phương, các đơn vị bộ đội hóa học và các cơ quan, lực lượng khác trên địa bàn; Ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

b) Chỉ đạo cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ sở hóa chất trên địa bàn xây dựng kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phù hợp với quy mô, điều kiện sản xuất và đặc tính của hóa chất; kiểm tra năng lực ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hóa chất;

c) Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật nhất là việc cấp phép về sản xuất, kinh doanh và sử dụng hóa chất, vật liệu nổ của các cơ sở, tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý theo đúng quy định của Luật Hóa chất và Pháp lệnh về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, không để sự cố về hóa chất, cháy nổ xảy ra;

d) Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh có sự tham gia của

các cơ quan có trách nhiệm trên địa bàn theo kế hoạch đã được ban hành.

Điều 40. Nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực dân sự

1. Bộ quản lý ngành chủ trì thực hiện tổ chức phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho các tổ chức, cá nhân và các cơ quan có liên quan định kỳ hàng năm.

2. Bộ quản lý ngành chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia và định kỳ tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp quốc gia.

3. Bộ Công Thương chủ trì, xây dựng dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm phục vụ mục đích thực hành, đào tạo, nâng cao năng lực trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 41. Xử lý chất độc tồn dư của chiến tranh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá về tình trạng thực tế hóa chất độc tồn dư của chiến tranh trên địa bàn quản lý.

2. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp, tham vấn các Bộ/ngành liên quan, Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia trước khi xem xét, phê duyệt Kế hoạch xử lý chất độc tồn dư của chiến tranh.

3. Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo Kế hoạch xử lý chất độc tồn dư của chiến tranh trên địa bàn đã được ban hành.

Điều 42. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý nhà nước phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cộng đồng trong phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, đặc biệt là việc quản lý an toàn trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất;

b) Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, rà soát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sản xuất, kinh doanh và sử dụng hóa chất đối với các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc kiến nghị ban hành mới các văn bản về tăng cường quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất nhằm chủ động phòng ngừa các sự cố hóa chất, cháy nổ xảy ra;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hoạt động hóa chất nguy hiểm và khả năng ứng phó sự cố hóa chất của các cơ sở hoạt động hóa chất.

2. Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các địa phương chỉ đạo, kiểm tra tình hình xây dựng các kế hoạch ứng phó, công tác huấn luyện, diễn tập, ứng phó sự cố hóa chất của các tỉnh, đặc biệt các địa phương có các nhà máy sản xuất hóa chất lớn, có nhiều nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất.

3. Bộ Quốc phòng chỉ đạo Bộ Tư lệnh Hóa học phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan lập các phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ: ứng cứu các tình huống khẩn cấp về sự cố hóa chất, thực hiện tìm kiếm, cứu nạn và tham gia ứng cứu khi có sự cố hóa chất xảy ra.

4. Bộ Công an phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra, quản lý việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất của các tổ chức, cá nhân; chỉ đạo lực lượng Phòng cháy, chữa cháy chuẩn bị lực lượng, thiết bị và lập phương án ứng phó khi có sự cố hóa chất xảy ra, trong đó có việc phối hợp với quân đội, chính quyền địa phương sơ tán dân khỏi những vùng nguy hiểm và tham gia cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả sự cố hóa chất.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các cơ quan quản lý môi trường địa phương tăng cường kiểm tra việc đảm bảo môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức, hiểu biết về nguy cơ, tác hại và trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

7. Các Bộ, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện tốt công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do sự cố hóa chất trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành; chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư cần thiết để tham gia ứng phó sự cố hóa chất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp

Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chứng nhận đầu tư trước ngày Nghị định này có

hiệu lực thi hành nhưng chưa được thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và đáp ứng tiêu chí tại Điều 16 của Nghị định này thì được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định của Luật Hóa chất.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
3. Quy định tại Chương IV Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.
4. Quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.
5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ... (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

PHỤ LỤC I
MẪU CHỨNG CHỈ TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT
(Kèm theo Nghị định số/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

(trang 4)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc CHỨNG CHỈ TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH HÓA CHẤT (trang 1)																																				
THÔNG TIN CÁ NHÂN Số chứng chỉ: (Ban hành theo Quyết định số: ... ngày . ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ Họ và Tên: Ngày tháng năm sinh: Số CC/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày tại Quốc tịch: Cơ sở đào tạo: Trình độ chuyên môn: Mã QR-Code (trang 2)	Phạm vi hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất <table><tr><th>STT</th><th>Lĩnh vực hành nghề</th><th>Hạng</th><th>Thời hạn</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td>Từ đến</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ (Ký, họ và tên, đóng dấu) (trang 3)	STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn				Từ đến																												
STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn																																		
			Từ đến																																		

* Trường hợp cấp lại thì ghi rõ lần cấp (cấp lại lần 1, cấp lại lần 2,...)

PHỤ LỤC II**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA,
ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT***(Kèm theo Nghị định số/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)***(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

.....⁽¹⁾, ngày tháng năm**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của
.....⁽²⁾ thuộc.....⁽³⁾****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH***Căn cứ Luật hóa chất ngày 14 tháng 06 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ;**Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày tháng ... năm của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;**Căn cứ⁽⁴⁾;**Xét kết luận của Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽²⁾ thuộc⁽³⁾;**Xét nội dung Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽²⁾ thuộc⁽³⁾ được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và văn bản giải trình số ngày tháng năm của⁽³⁾;**Theo đề nghị của⁽⁵⁾;***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt nội dung Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽²⁾ thuộc⁽³⁾ tại địa điểm:⁽⁶⁾;**Điều 2**⁽³⁾ có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số ../..../NĐ-CP ngày .. tháng .. năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và những quy định của pháp luật liên quan.

2.

.....

n.

.....

Điều 3. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và những yêu cầu bắt buộc quy định tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện công tác an toàn hóa chất và ứng phó sự cố hóa chất của⁽³⁾ tại cơ sở hoạt động hóa chất /tại nơi thực hiện dự án.

Điều 4. Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động liên quan đến những nội dung đề ra trong Kế hoạch đã được phê duyệt,⁽³⁾ phải báo cáo đề⁽⁷⁾ xem xét, quyết định.

Điều 5⁽⁸⁾ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch đã được phê duyệt và các yêu cầu quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT KẾ
HOẠCH**

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 6;

-

- Lưu:....

Ghi chú:

(1) Tỉnh, thành phố nơi cơ quan phê duyệt Kế hoạch đặt trụ sở chính

(2) Tên dự án hoặc cơ sở hóa chất

(3) Tên tổ chức, cá nhân chủ quản của dự án hoặc cơ sở hóa chất

(4) Văn bản có liên quan

(5) Thủ trưởng đơn vị được giao thẩm định Kế hoạch

(6) Địa điểm xây dựng dự án hoặc cơ sở hóa chất

(7) Đơn vị được giao tiếp nhận hồ sơ, thẩm định kế hoạch

(8) Cơ quan quản lý ngành cấp tỉnh tại địa phương xây dựng dự án hoặc cơ sở hóa chất.